

Bản án số: 09/HNGĐ-PT.

Ngày: 13/7/2021

V/ v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên.

Các Thẩm phán: - Ông Bằng Công Hiệp.

- Bà Lê Thị Hồng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2020/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 21/2020/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:46/QĐXX-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Hà Thị L - Sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm T, xã T.X, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Ông Nguyễn Văn T, tư vấn viên – Trung tâm tư vấn pháp luật và chính sách (có mặt).

*** Bị đơn:** Ông Phạm Văn T – Sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm T.L, xã T.X, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1984

Trú tại: Xóm C, xã L.H, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V.

Địa chỉ: TDP T.P, TT Đ, V, Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Liêu Văn S – Phó Giám đốc Chi nhánh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị Th1 – Sinh năm 1954.

Địa chỉ: Xóm T.L, xã T.X, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có đơn xin vắng mặt)

3. Ông Đặng Hữu V.

Địa chỉ: Xóm T.L, xã T.X, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn H.

Địa chỉ: Xóm T.L, xã T.X, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

5. Bà Lê Thị D.

Địa chỉ: Xóm T.L, xã T.X, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn bà Hà Thị L trình bày: Bà và ông Phạm Văn T kết hôn năm 2001 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T.X, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống bà và ông T có 01 con chung là anh Phạm Xuân C – Sinh ngày 14/10/2002.

Về tài sản chung: Một số tài sản chung bà và ông T đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay ông bà thống nhất chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết những tài sản chung sau:

- 01 ô tô nhãn hiệu Thaco trọng tải 900kg.
- 01 tủ đựng dép.
- 01 máy giặt lồng ngang loại 8kg nhãn hiệu Toshiba.
- Thửa đất số 645 tờ bản đồ địa chính số 2 xã T.X diện tích 5.664m² loại đất lâm nghiệp và cây trên đất. Phần đất này mua của bà Phạm Thị Th1 mẹ bà, nhưng chưa làm thủ tục sang tên.
- Thửa đất số 660 tờ bản đồ địa chính số 2 xã T.X diện tích 12.896m² loại đất lâm nghiệp và cây trên đất. Phần đất này mua của ông Đặng Văn V - cùng xóm nhưng chưa làm thủ tục sang tên.
- Thửa đất số 111 Tờ bản đồ số 48 xã T.X có diện tích 243,6m² trong đó có 148,1m² đất ở và 95,5m² đất trồng cây lâu năm, trên đất có nhà cửa và công trình trên đất. Phần đất này ông bà đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Về nợ chung: Hiện tại ông bà chỉ nợ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V số tiền 200.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Do hai vợ chồng không hòa thuận, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay bà yêu cầu Tòa án cho được ly hôn ông T.

Về con chung: Tại thời điểm xét xử anh Phạm Xuân C – Sinh ngày 14/10/2002 đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà đề nghị được chia thừa đất số 111 Tờ bản đồ số 48 xã T.X và toàn bộ tài sản trên đất, 01 xe ô tô nhãn hiệu Thaco trọng tải 900kg. Nếu được như vậy, bà sẽ nhận trả nợ Ngân hàng NN và PTNT số tiền 200.000.000 đồng mà không cần ông T cùng trách nhiệm trả. Nếu không được bà yêu cầu chia nợ theo quy định. Đối với máy giặt và tủ đựng dép nếu ai được giao nhà bà đề nghị Tòa án giao cho người đó.

*** Bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:** Ông kết hôn với bà L năm 2001 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T.X, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống ông và bà L có 01 con chung là anh Phạm Xuân C – Sinh ngày 15/10/2002.

Về tài sản chung: Một số tài sản chung ông bà đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông bà thống nhất chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết những tài sản chung sau:

- 01 ô tô nhãn hiệu Thaco trọng tải 900kg.
- 01 tủ đựng dép.
- 01 máy giặt lồng ngang loại 8kg nhãn hiệu Toshiba.
- Thừa đất số 645 tờ bản đồ địa chính số 2 xã T.X diện tích 5.664m² loại đất lâm nghiệp và cây trên đất. Phần đất này mua của bà Phạm Thị Th1 mẹ bà, nhưng chưa làm thủ tục sang tên.
- Thừa đất số 660 tờ bản đồ địa chính số 2 xã T.X diện tích 12.896m² loại đất lâm nghiệp và cây trên đất. Phần đất này mua của ông Đặng Văn V - cùng xóm nhưng chưa làm thủ tục sang tên.
- Thừa đất số 111 Tờ bản đồ số 48 xã T.X có diện tích 243,6m² trong đó có 148,1m² đất ở và 95,5m² đất trồng cây lâu năm, trên đất có nhà cửa và hoa màu. Phần đất này ông bà đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Về nợ chung: Ông bà đã tự thỏa thuận đến nay không còn nợ ai và cho ai vay. Đối với số tiền nợ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V là 200.000.000 đồng như bà L khai là bà L vay, ông không có liên quan gì.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Do hai vợ chồng không hòa thuận, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, nên bà L xin ly hôn ông nhất trí.

Về con chung: Có 1 con chung tên là Phạm Xuân C đã trưởng thành ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu Tòa án chia theo quy định.

*** Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V ông Liêu Văn S trình bày:** Ngày 25/12/2019 Ngân hàng và hộ gia đình ông T và bà L có ký Hợp đồng tín dụng số 8504LAV201903292, theo đó bà L, ông T vay Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh hoặc nhu cầu đời sống. Bên vay đã tự nguyện giao cho Ngân hàng

giữ Giấy chứng nhận QSD đất số CC 485389 do UBND huyện V cấp ngày 20/11/2019, Ngân hàng không nhận thế chấp tài sản gì. Nay ông bà L T còn nợ Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, Ngân hàng yêu cầu nếu ông bà L T sau khi ly hôn liên đới tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng với Ngân hàng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Th1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của bà Hà Thị L, ông Hà Văn T là con rể.

Ngày 31/12/2009 bà có bán cho ông T và bà L 01 mảnh đất bãi, diện tích trồng được 08 kg ngô giống. Địa chỉ khu đất này ở xóm N.L, xã T.X, huyện V, tỉnh Thái Nguyên nay là xóm T.L, xã T.X, huyện V. Theo bản đồ địa chính xã T.X tờ số 2 là thửa số 645 diện tích 5.664m². Phần diện tích này bà chưa kê khai và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai bên đã viết giấy viết tay và trả nhau số tiền 35.000.000 đồng.

Về phần đất 400m² đất ở bà đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất bà không bán cho ông T, bà L. Bà chỉ cho mượn để ông T, bà L ở tạm làm ăn, sau khi nhà cửa dỡ đi còn lại đất trống, ông T bà L đã trồng Keo lên phần đất nền nhà này. Phần đất này cùng tài sản trên đất ông T và bà L đã tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, bà cũng không yêu cầu giải quyết phần đất này.

Nay ông bà L T xin ly hôn, đối với phần đất bà đã bán cho ông T bà L là thửa số 645 và ông T, bà L đã trồng Keo trên đó bà không có ý kiến gì, đó là tài sản chung của bà L và ông T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn V trình bày: Thửa đất số 660 Tờ bản đồ địa chính số 2 xã T.X, huyện V, tỉnh Thái Nguyên có diện tích 12.896m² là của ông bán cho ông T, bà L, việc mua bán chỉ có viết giấy viết tay chứ không có hợp đồng, thửa đất này chưa có Giấy chứng nhận QSD đất. Nguồn gốc là của ông mua của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị D cùng xóm, ông H và bà D cũng chưa có Giấy chứng nhận QSD đất. Việc mua bán giữa ông và ông bà H D có viết giấy tờ và viết một bản ông giữ nhưng hiện nay đã thất lạc, còn ông đã bán cho bà L, ông T thì không có giấy tờ gì vì là anh em gia đình. Ông đã bán nên không còn liên quan gì. Đề nghị Tòa án công nhận là tài sản của ông T, bà L.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị D trình bày : Cách đây 07 năm ông bà có bán 01 mảnh đất là thửa số 660 Tờ bản đồ địa chính số 2 xã T.X, huyện V cho ông Đặng Văn V cùng xóm, nguồn gốc này do vợ chồng ông khai phá, việc mua bán giữa hai bên không có tranh chấp, chỉ viết giấy viết tay. Khi bán vợ chồng ông bà không có giấy chứng nhận QSD đất, ông đã bán cho ông V nên không còn liên quan gì nữa. Ông bà được biết sau đó ông V có nhượng lại cho vợ chồng ông T, bà L. Ông T, bà L sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Với nội dung trên, tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 21/2020/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V đã xét xử và quyết

định : Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 157; 165; 228 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 56; 59; 60; 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hà Thị L và ông Phạm Văn T.

2. Về con chung: Anh Phạm Xuân C – Sinh ngày 14/10/2002 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao cho bà L quản lý sử dụng:

- 01 ô tô nhãn hiệu Thaco trọng tải 900kg biển kiểm soát 20C – 143.05.
- 01 tủ đựng dép.
- 01 máy giặt lồng ngang loại 8kg, nhãn hiệu Toshiba.
- Thửa đất số 111 Tờ bản đồ số 48 xã T.X có diện tích 243,6m² trong đó có 148,1m² đất ở và 95,5m² đất trồng cây lâu năm. Tài sản trên đất gồm: 01 nhà 02 tầng xây gạch chỉ 220cm cao 7,5m có công trình phụ khép kín, diện tích 40m²; 01 nhà bếp xây gạch bê tông, vệ sinh khép kín mái lợp tôn, diện tích 36m²; 01 mái tôn có diện tích 100m² và 01 mái tôn có diện tích 36m².

Tổng giá trị tài sản theo hiện vật bà L được chia là 540.336.750 đồng. Bà L có trách nhiệm trích chia cho ông T 71.502.250 đồng. Tổng giá trị tài sản bà L thực hưởng là 468.833.750 đồng.

3.2. Giao cho ông T quản lý sử dụng:

- Thửa đất số 645 tờ bản đồ địa chính số 2 xã T.X diện tích 5.664m² và tài sản trên đất gồm 2.137 cây Keo có đường kính từ 10 đến 15cm.
- Thửa đất số 660 tờ bản đồ địa chính số 2 xã T.X diện tích 12.896m² và tài sản trên đất gồm 719 cây Keo có đường kính từ 10 đến 15cm.

Tổng giá trị tài sản theo hiện vật ông T được chia là 397.331.500 đồng. Ông T nhận 71.502.250 đồng do bà L trích chia do nhận tài sản chênh lệch. Tổng giá trị tài sản ông T thực hưởng là 468.833.750 đồng.

3.3. Tình trạng pháp lý của các thửa đất:

Thửa đất số 111 Tờ bản đồ số 48 xã T.X, huyện V bà Hà Thị L và ông Phạm Văn T đã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận QSD đất số CC 485389 ngày 20/11/2019.

Thửa đất số 645 và thửa đất số 660 đều thuộc tờ bản đồ địa chính số 2 xã T.X, huyện V chưa có giấy chứng nhận QSD đất. Ông Phạm Văn T có trách nhiệm làm các thủ tục theo quy định để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Về nợ chung: Xác định ông T và bà L nợ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện V số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số

8504LAV201903292. Ông T và bà L liên đới tiếp tục thực hiện hợp đồng và liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung hợp đồng đã ký kết.

5. Về án phí và chi phí tố tụng:

5.1. Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Bà Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 22.753.350 đồng án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số 0007636 ngày 21 tháng 5 năm 2020 và biên lai số 0007698 ngày 09/7/2020. Số tiền án phí bà L còn phải nộp là 22.453.350 đồng.

Ông Phạm Văn T phải chịu 22.753.350 đồng án phí chi tài sản.

5.2. Về chi phí tố tụng:

Căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (*đã thu và chi hết*).

Căn cứ Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T và bà L mỗi người chịu 1.500.000 đồng chi phí định giá tài sản. Bà L đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng (*đã thu và chi hết*), nay thu của ông T 1.500.000 đồng trả cho bà L.

Áp dụng Điều 357 đương sự còn phải chịu lãi xuất đối với khoản tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/10/2020 ông T làm đơn kháng cáo không nhất trí với bản án về phần chia tài sản với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không chia cho ông đất thổ cư để ông làm nhà ở trong khi đất thổ cư của vợ chồng ông rộng có thể chia được.

Về khoản nợ Ngân hàng ông không công nhận vì đây là khoản nợ riêng của bà L vì bà L vay riêng ông không biết, ông không ký giấy tờ nào cho bà L vay vốn đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Về phần tài sản còn 1 phần đất phía sau thổ cư do vợ chồng mua được nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là không đảm bảo quyền lợi cho ông, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T và bà L thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản cụ thể như sau:

Ông T được quyền sở hữu 02 mái tôn có tổng diện tích 138,6m², bao gồm 01 mái tôn có diện tích 53,3m². 01 mái tôn diện tích 85,3m² và được quyền sử dụng 85,3m² đất (theo sơ đồ ký hiệu 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,1 kèm theo) trong đó có 56,7m² đất thổ cư, 28,6m² đất trồng cây lâu năm được tách từ thửa đất số 111 Tờ bản đồ số 48 xã T.X huyện V, thửa đất số 645 tờ bản đồ địa chính số 2 xã T.X diện tích 5.664m² và tài sản trên đất gồm 2.137 cây Keo, thửa đất số 660 tờ bản đồ địa chính số 2 xã T.X diện tích 12.896m² và tài sản trên đất gồm 719 cây Keo. Tổng giá trị tài sản là 487.945.500đ.

Bà L được quyền sở hữu 01 ô tô nhãn hiệu Thaco biển kiểm soát 20C – 143.05, 01 tủ đựng dép, 01 máy giặt lồng ngang nhãn hiệu Toshiba và được quyền sử dụng 158,3m² đất theo sơ đồ ký hiệu (2,3,4,5,6,7,8,12,13,14,2) trong đó có 91,4m² đất thổ cư, 66,9m² đất trồng cây lâu năm thửa đất số 111 Tờ bản đồ số 48 xã T.X. Tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây 02 tầng có công trình phụ khép kín; 01 nhà bếp xây vệ sinh khép kín mái lợp tôn. Tổng giá trị tài sản là 449.732.000đ. Bà L có trách nhiệm dỡ bỏ 1 mái vẩy lợp tôn diện tích 14,9m² (có sơ đồ kèm theo).

Đối với phần đất phía sau giáp với đất thổ cư, hiện tại diện tích đất này chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng hai bên tự giải quyết không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Ông T và bà L tự xác định còn nợ Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện V số tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 8504LAV201903292. Hai bên thỏa thuận ông T và bà L cùng có trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng số 8504LAV201903292 và liên đới cùng tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo nội dung hợp đồng đã ký kết.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự là phù hợp với Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về tài sản và nợ chung cho hai bên, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 21/2020/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 300, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56; 59; 60; 62 Luật hôn nhân và gia đình Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 21/2020/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hà Thị L và ông Phạm Văn T.

2. Về con chung: Anh Phạm Xuân C – Sinh ngày 14/10/2002 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về phần tài sản cho hai bên cụ thể như sau:

Ông T được quyền sở hữu 02 mái tôn có tổng diện tích 138,6m², bao gồm 01 mái tôn có diện tích 53,3m², 01 mái tôn diện tích 85,3m² và được quyền sử dụng 85,3m² đất (theo sơ đồ ký hiệu 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,1 kèm theo) trong đó có 56,7m² đất thổ cư, 28,6m² đất trồng cây lâu năm được tách từ thửa đất số 111 Tờ bản đồ số 48 xã T.X huyện V, thửa đất số 645 tờ bản đồ địa chính số 2 xã T.X diện tích 5.664m² và tài sản trên đất gồm 2.137 cây Keo, thửa đất số 660 tờ bản đồ địa chính số 2 xã T.X diện tích 12.896 m² và tài sản trên đất gồm 719 cây Keo. Tổng giá trị tài sản là 487.945.500đ.

Bà L được quyền sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Thaco biển kiểm soát 20C – 143.05, 01 tủ đựng dép, 01 máy giặt lồng ngang nhãn hiệu Toshiba và được quyền sử dụng 158,3m² đất theo sơ đồ ký hiệu (2,3,4,5,6,7,8,12,13,14,2) trong đó có 91,4m² đất thổ cư, 66,9m² đất trồng cây lâu năm thửa đất số 111 Tờ bản đồ số 48 xã T.X. Tài sản trên đất gồm: 01 nhà 02 tầng có công trình phụ khép kín; 01 nhà bếp xây vệ sinh khép kín mái lợp tôn. Tổng giá trị tài sản là 449.732.000đ. Bà L có trách nhiệm dỡ bỏ 1 mái vẩy lợp tôn diện tích 14,9m² (có sơ đồ kèm theo).

Đối với phần đất phía sau giáp với đất thổ cư, hiện tại diện tích đất này chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng hai bên tự giải quyết không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Ông T và bà L tự xác định hai bên còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện V, tỉnh Thái Nguyên số tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 8504LAV201903292. Hai bên thỏa thuận ông T và bà L cùng có trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng số 8504LAV201903292 và liên đới cùng tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo nội dung hợp đồng đã ký kết.

4. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà L tự nguyện chịu 3.000.000 đồng (đã thực hiện xong). Ông T tự nguyện chịu 5.300.000đ (đã thực hiện xong).

Về chi phí định giá: Ông T và bà L mỗi người phải chịu 1.500.000đ. Bà L đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng, buộc ông T có trách nhiệm trả cho bà L 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về án phí

Bà Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận bà L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai số 0007636 ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Án phí chia tài sản: Bà L phải nộp 21.989.000 đồng án phí chia tài sản, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0007698 ngày 09/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Ông Phạm Văn T phải chịu 23.517.800 đồng án phí chia tài sản.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại ông T 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0007779 ngày 12/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện V;
- THATHA huyện V;
- UBND xã T.X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Liên

